

Số: 116/QĐ-ĐHTNH-QLĐT

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

*V/v ban hành Quy định về đánh giá kết quả rèn luyện
của sinh viên đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ*

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 2336/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội;

Căn cứ Nghị Quyết 02/2020/FBU-HNNQT-NQ ngày 15/04/2020 của Hội nghị Nhà Đầu tư Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội về việc công nhận Hội đồng Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội ban hành theo Nghị quyết số 03/2020/FBU-HĐTr-NQ của Hội đồng Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội tại cuộc họp ngày 20/04/2020;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy, thay Quyết định số 60/2007/QĐ-BGDĐT ngày 16/10/2007.

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-ĐHTNH-QLĐT ngày 30/6/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội về việc ban hành Quy định về thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần trong tổ chức đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, được áp dụng từ học kỳ I năm học 2021-2022, và thay thế Quyết định số 155/QĐ-ĐHTNH-QLĐT ngày

09/10/2015. Trường các Viện, Khoa, Bộ môn, các đơn vị chức năng của Trường, ban cán sự các lớp hành chính, sinh viên đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- CTHĐT, BGH;
- Như Điều 2;
- Website trường;
- Lưu VT, QLĐT.



QUY ĐỊNH

VỀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 116/QĐ-ĐHTCNH-QLĐT
ngày 13/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này cụ thể hóa Thông tư số 16/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và điều kiện cụ thể của Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội, bao gồm: Nội dung đánh giá, căn cứ đánh giá, khung điểm; phân loại kết quả, quy trình đánh giá, tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá rèn luyện của sinh viên được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của trường.

Điều 2. Mục đích

Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên đào tạo đại học nhằm:

1. Góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức nghề nghiệp, có tri thức, sức khỏe, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

2. Đưa ra được những định hướng, nội dung rèn luyện cụ thể phù hợp với các điều kiện của trường, tạo điều kiện cho sinh viên có môi trường rèn luyện, phấn đấu.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên

1. Thực hiện nghiêm túc quy trình và các tiêu chí đánh giá được quy định tại quy định này, đảm bảo tính khách quan, công khai, công bằng, chính xác.

2. Đảm bảo yếu tố bình đẳng, dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của sinh viên được đánh giá.

3. Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ các bộ phận, các đơn vị có liên quan trong nhà trường tham gia đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

Điều 4. Nội dung đánh giá và thang điểm

1. Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá ý thức, thái độ của sinh viên đối với nhiệm vụ học tập, nghiên cứu khoa học, đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của từng sinh viên theo các mức điểm đạt được trên các mặt:

- a) Ý thức tham gia học tập;
- b) Ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường;
- c) Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội;
- d) Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng;
- đ) Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong trường hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100. Tổng điểm 100 được phân chia theo các tiêu chí của quá trình rèn luyện (cụ thể hóa trong chương II của quy định này).

Chương II

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM

Điều 5. Đánh giá về ý thức tham gia học tập

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá

- a) Ý thức và thái độ học tập;
- b) Ý thức và thái độ tham gia các câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học;
- c) Ý thức và thái độ tham gia các kỳ thi, cuộc thi;
- d) Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập;
- đ) Kết quả học tập.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm

Điều 6. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá

- a) Ý thức chấp hành các văn bản chỉ đạo ngành, của cơ quan chỉ đạo cấp trên được thực hiện trong nhà trường;
- b) Ý thức chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác được áp dụng trong nhà trường.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm

Điều 7. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá

a) Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao;

b) Ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội.

c) Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm

Điều 8. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá

a) Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng;

b) Ý thức tham gia các hoạt động xã hội, có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng;

c) Có tinh thần chia sẻ, giúp người thân, người có khó khăn, hoạn nạn.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm

Điều 9. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường hoặc sinh viên đạt thành tích đặc biệt trong học tập và rèn luyện

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá

a) Ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả công việc của sinh viên được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong nhà trường.

b) Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên và các tổ chức khác trong nhà trường.

c) Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, viện, khoa và nhà trường.

d) Sinh viên đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 10 điểm

Chương III

PHÂN LOẠI ĐÁNH GIÁ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Điều 10. Phân loại kết quả rèn luyện

1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém.

2. Phân loại kết quả rèn luyện: *erq*

- a) Từ 90 đến 100 điểm: loại xuất sắc;
- b) Từ 80 đến dưới 90 điểm: loại tốt;
- c) Từ 65 đến dưới 80 điểm: loại khá;
- d) Từ 50 đến dưới 65 điểm: loại trung bình;
- đ) Từ 35 đến dưới 50 điểm: loại yếu;
- e) Dưới 35 điểm: loại kém.

Điều 11. Phân loại đánh giá

1. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức khiển trách, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá (từ 65 đến dưới 80 điểm).
2. Trong thời gian học sinh viên bị kỷ luật mức cảnh cáo, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình (từ 50 đến dưới 65 điểm).
3. Sinh viên bị kỷ luật đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ.
4. Sinh viên bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá điểm rèn luyện.
5. Sinh viên hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với quy định của khoá học thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian đang hoàn thành bổ sung chương trình học và tốt nghiệp, tùy thuộc vào nguyên nhân để quy định mức đánh giá rèn luyện tại kỳ bổ sung.
6. Sinh viên là người khuyết tật, tàn tật, mồ côi cả cha lẫn mẹ, hoặc cha, hoặc mẹ, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có xác nhận của địa phương theo quy định đối với những hoạt động rèn luyện không có khả năng tham gia hoặc đáp ứng yêu cầu chung thì được ưu tiên, động viên, khuyến khích, cộng điểm khi đánh giá kết quả rèn luyện qua sự nỗ lực và tiến bộ của sinh viên tùy thuộc vào đối tượng và hoàn cảnh cụ thể. Cố vấn học tập cùng Ban cán sự lớp đề xuất lên Hội đồng xét điểm rèn luyện cấp viện, khoa.
7. Sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định.
8. Sinh viên đồng thời học hai chương trình đào tạo sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện tại đơn vị quản lý chương trình thứ nhất và lấy ý kiến nhận xét của đơn vị quản lý chương trình thứ hai làm căn cứ, cơ sở để đánh giá thêm. Trường hợp chương trình thứ nhất đã hoàn thành thì sẽ đánh giá điểm rèn luyện cho sinh viên theo chương trình thứ hai.
9. Sinh viên chuyển trường được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai trường thì được bảo lưu kết quả rèn luyện của trường sinh viên học trước khi chuyển trường và tiếp tục đánh giá kết quả rèn luyện ở các kỳ tiếp theo ở trường sinh viên chuyển đến.

Điều 12. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

1. Sinh viên căn cứ vào kết quả rèn luyện của bản thân, tự đánh giá theo mức điểm chi tiết do Hiệu trưởng nhà trường quy định.

2. Tổ chức họp lớp có Cố vấn học tập tham gia tiến hành xem xét và thông qua mức điểm tự đánh giá của từng sinh viên trên cơ sở các minh chứng xác nhận kết quả và phải được quá nửa ý kiến đồng ý của tập thể đơn vị lớp hành chính và phải có biên bản kèm theo.

Cố vấn học tập xác nhận kết quả họp lớp và chuyển kết quả lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên cấp viện, khoa.

3. Hội đồng đánh giá cấp viện, khoa chuyên ngành họp xét, thống nhất, báo cáo Trường viện, khoa thông qua và trình kết quả lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp trường.

4. Hội đồng cấp trường họp xét, thống nhất trình Hiệu trưởng xem xét và quyết định công nhận kết quả.

5. Kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của sinh viên phải được công bố công khai và thông báo cho sinh viên biết trước 10 ngày trước khi ban hành quyết định chính thức.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Điều 13. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện

1. Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên trong thời hạn 01 năm học và chấm dứt hoạt động khi Hội đồng ban hành Quyết định công nhận kết quả của sinh viên chính thức.

2. Hội đồng cấp trường:

a) Thẩm quyền thành lập:

Hội đồng cấp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền ký Quyết định thành lập Hội đồng cấp trường.

b) Thành phần Hội đồng cấp trường bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền.

- Thường trực Hội đồng: Trưởng phòng Quản lý đào tạo hoặc Phó trưởng phòng được Trưởng phòng uỷ quyền.

- Các uỷ viên: Đại diện lãnh đạo các viện, khoa chuyên ngành, phòng (ban) có liên

quan, đại diện Đoàn thanh niên cấp trường.

c) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp trường:

- Tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.

- Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của Trường viện, khoa chuyên ngành, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng viện, khoa, đề nghị Hiệu trưởng công nhận.

2. Hội đồng cấp viện, khoa chuyên ngành

a) Thẩm quyền thành lập:

Hội đồng cấp viện, khoa chuyên ngành do Trường viện, khoa chuyên ngành hoặc Phó trưởng viện, khoa chuyên ngành được Trường viện, khoa chuyên ngành uỷ quyền ký Quyết định thành lập Hội đồng cấp viện, khoa chuyên ngành.

b) Thành phần Hội đồng cấp viện, khoa chuyên ngành gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Trường viện, khoa chuyên ngành hoặc Phó trưởng viện, khoa chuyên ngành được Trường viện, khoa chuyên ngành uỷ quyền.

- Các uỷ viên: Cán bộ văn phòng viện, khoa chuyên ngành theo dõi quản lý sinh viên, Cố vấn học tập, đại diện Liên chi đoàn viện, khoa chuyên ngành, chi hội sinh viên viện, khoa chuyên ngành, Ban cán sự lớp.

c) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp viện, khoa chuyên ngành:

- Có nhiệm vụ giúp Trường viện, khoa chuyên ngành xem xét, đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng sinh viên trong viện, khoa chuyên ngành.

- Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của cố vấn học tập từng lớp tiến hành xem xét đánh giá kết quả rèn luyện của từng lớp, đề nghị Trường viện, khoa chuyên ngành công nhận.

Điều 14. Thời gian đánh giá

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được tiến hành định kỳ theo học kỳ, năm học và toàn khoá học.

2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 05 nội dung đánh giá chi tiết của Trường.

3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó.

4. Điểm rèn luyện toàn khoá học là điểm trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của khoá học.

Điều 15. Sử dụng kết quả

1. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học của sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên tại trường, được sử dụng trong việc xét duyệt học bổng, xét khen thưởng, kỷ luật, xét thôi học, ngừng học, xét lưu trú ký túc xá (nếu có), xét giải quyết việc làm thêm, xét miễn giảm chi phí, dịch vụ và sinh hoạt trong ký túc xá và các ưu tiên khác tùy theo quy định của nhà trường có ký túc xá.
2. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khoá học của sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý tại trường, làm căn cứ để xét làm luận văn tốt nghiệp.
3. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khoá học được ghi chung vào bảng điểm kết quả học tập và lưu trong hồ sơ của sinh viên khi tốt nghiệp ra trường.
4. Sinh viên có kết quả rèn luyện xuất sắc được nhà trường xem xét biểu dương, khen thưởng cùng kết quả học tập từng kỳ và năm học, khoá học.
5. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

Điều 16. Quyền khiếu nại

1. Trong thời hạn 05 ngày (không tính ngày nghỉ) kể từ khi có thông báo của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp viện khoa chuyên ngành, sinh viên có quyền khiếu nại về việc đánh giá kết quả rèn luyện đối với bản thân bằng cách gửi đơn khiếu nại đến Trường viện, khoa chuyên ngành. Trong phạm vi 05 ngày kể từ khi nhận được đơn khiếu nại của sinh viên, Trường viện, khoa chuyên ngành có trách nhiệm trả lời.
2. Sinh viên có quyền khiếu nại lên Hiệu trưởng (qua phòng Quản lý đào tạo) nếu thấy việc đánh giá kết quả rèn luyện đối với bản thân chưa thoả đáng. Khi nhận được đơn khiếu nại, trường có trách nhiệm giải quyết trả lời theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Tổ chức thực hiện

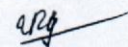
1. Hiệu trưởng nhà trường ban hành Quy định tạm thời này. Hàng năm, kiểm tra, đánh giá và sửa đổi bổ sung kịp thời cho phù hợp với điều kiện, phạm vi của Nhà trường, ngành và địa phương.
2. Văn bản hướng dẫn thực hiện của nhà trường phải quy định rõ trách nhiệm,

quyền hạn, chức năng của Hội đồng đánh giá, trách nhiệm của các phòng ban, viện, khoa chuyên ngành, lớp, Cố vấn học tập và trách nhiệm của sinh viên trong nhà trường, thể hiện rõ chi tiết các nội dung, tiêu chí, thang điểm và hình thức đánh giá phù hợp theo từng năm, điều kiện thực tiễn của nhà trường, các nội dung đánh giá theo khung điểm của Quy định này.

Điều 18. Điều khoản thi hành

- Quy định này được áp dụng cho các lớp đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ từ học kỳ I năm học 2021-2022 của Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

- Trong quá trình thực hiện, những vướng mắc phát sinh được phản ánh kịp thời về Phòng Quản lý đào tạo. Việc điều chỉnh bổ sung các điều khoản của Quy định này do Hiệu trưởng quyết định./.



Phụ lục 1

TRƯỜNG ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN

Học kỳ..... Năm học.....
Viện, khoa chuyên ngành:..... Lớp

Họ và tên..... Ngày sinh.....
Mã sinh viên:.....

Nội dung đánh giá	Thang điểm	Điểm sinh viên tự đánh giá	Điểm tập thể lớp đánh giá	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I. Đánh giá về ý thức, kết quả học tập; NCKH	20.0			
1. Ý thức học tập (Tối đa 8 điểm)	8.0			
a) Đi học đầy đủ, đúng giờ, không bỏ tiết, nghỉ học có báo cáo (mỗi buổi nghỉ học không báo cáo, mỗi lần đi học muộn giờ, bỏ tiết trừ 1 điểm, trừ đến hết 5 điểm)	5.0			
b) Điểm trung bình (TB) điểm chuyên cần học kỳ (Tối đa: 3 điểm)	3.0			
- Điểm TB điểm chuyên cần học kỳ ≥ 9	3.0			
- Điểm TB điểm chuyên cần học kỳ từ 7 đến cận 9	2.5			
- Điểm TB điểm chuyên cần học kỳ từ 5 đến cận 7	2.0			
- Điểm TB điểm chuyên cần học kỳ từ 3 đến cận 5	1.5			
- Điểm TB điểm chuyên cần học kỳ từ 1 đến cận 3	1.0			
2. Đánh giá về kết quả học tập (Tối đa: 7 điểm/tính theo thang điểm 10)	7.0			
- Loại xuất sắc (từ 9 điểm đến 10 điểm)	7.0			
- Loại giỏi (từ 8 điểm đến 8,9 điểm)	6.0			
- Loại khá (từ 7 điểm đến 7,9 điểm)	5.0			
- Loại trung bình (từ 5 điểm đến 6,9 điểm)	4.0			
- Loại yếu nhưng chưa phải thôi học (từ 4 điểm đến 4,9 điểm)	2.0			
- Loại yếu, buộc thôi học (dưới 4 điểm)	0			
3. Tham gia NCKH (Tổng điểm: 3 điểm)	3.0			

Nội dung đánh giá	Thang điểm	Điểm sinh viên tự đánh giá	Điểm tập thể lớp đánh giá	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
- Có bài đăng trong Kỷ yếu viện, viện, viện, khoa chuyên ngành chuyên ngành chuyên ngành học	1.0			
- Có bài đăng trong Nội san sinh viên	1.0			
- Có công trình dự thi NCKH cấp viện, viện, viện, khoa chuyên ngành chuyên ngành chuyên ngành đạt yêu cầu	1.5			
- Có công trình dự thi NCKH cấp trường đạt yêu cầu	2.0			
- Có công trình dự thi NCKH cấp Bộ	3.0			
4. Tham gia dự thi sinh viên giỏi ở các cấp (Tổng điểm: 2 điểm)	2.0			
- Thi sinh viên giỏi môn học và đạt từ 7 điểm trở lên	1.0			
- Tham gia các cuộc thi Olympic, thi chính trị-xã hội	1.0			
II. Đánh giá về ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế, quy định của trường	25.0			
1. Chấp hành quy chế sinh viên chung ở trường (Tổng điểm: 9 điểm)	9.0			
- Đóng học phí đầy đủ, đúng hạn	5.0			
- Thực hiện đúng quy định sử dụng Thẻ sinh viên	2.0			
- Bảo vệ tài sản, giữ gìn vệ sinh trường lớp	2.0			
2. Chấp hành quy chế quản lý sinh viên nơi cư trú (Tổng điểm: 6 điểm)	6.0			
- Chấp hành quy định đăng ký tạm trú (nội ngoại trú) đúng đầu các kỳ học và khi thay đổi chỗ ở theo quy định	3.0			
- Không vi phạm các quy định của nơi cư trú	3.0			
3. Ý thức chấp hành quy chế thi (Tối đa: 10 điểm)	10.0			
- Chấp hành tốt quy chế thi, có tinh thần đấu tranh với tiêu cực trong thi cử	10.0			
- Chấp hành: Không vi phạm quy chế thi (đúng giờ, trật tự nộp bài...)	8.0			
- Có vi phạm quy chế thi nhưng chưa đến mức bị kỷ luật (muộn, mất trật tự...)	3.0			
- Có hành vi tiêu cực hoặc bỏ thi không có lý do chính đáng từ 2 lần trở lên	0			
III. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn nghệ, phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội	20.0			

Nội dung đánh giá	Thang điểm	Điểm sinh viên tự đánh giá	Điểm tập thể lớp đánh giá	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động chính trị - xã hội (học chính trị đầu năm, đầu khóa và các đợt học chính trị, thời sự trong học kỳ, các phong trào đoàn, hội, các cuộc vận động) (Tổng điểm: 10 điểm)	10.0			
- Tham gia đầy đủ	3.0			
- Có ý thức nghiên cứu, chấp hành quy định	3.0			
- Có chuyển biến và tham gia hoạt động lớp, Đoàn, Hội Sinh viên được đánh giá tốt	4.0			
2. Tham gia các hoạt động văn nghệ (Tối đa: 4 điểm)	4.0			
- Tích cực tham gia, hoàn thành tốt và đoạt giải	4.0			
- Tham gia và hoàn thành nhiệm vụ	3.0			
- Có ý thức tham gia các hoạt động	1.0			
- Không tham gia các hoạt động văn thể	0			
3. Gương mẫu chấp hành các quy định phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội (Tổng điểm: 6 điểm)	6.0			
- Cam kết không buôn bán, tàng trữ, sử dụng ma túy theo quy định	2.0			
- Chấp hành quy định của Trường về kiểm tra thử phản ứng về sử dụng ma túy	2.0			
- Thực hiện các quy định phòng chống ma túy và các tệ nạn trong trường và nơi cư trú	2.0			
IV. Đánh giá về phẩm chất công dân và quan hệ cộng đồng (Tổng điểm: 25 điểm)	25.0			
- Chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước, giữ gìn trật tự, an ninh chính trị và an toàn xã hội	9.0			
- Có tinh thần "Tôn sư trọng đạo" với thầy cô giáo và cán bộ, nhân viên trong Trường, có ý thức trách nhiệm trong việc tham gia lấy ý kiến phản hồi của người học theo phân công	9.0			
- Có lối sống lành mạnh, quan hệ tốt trong cộng đồng; có tinh thần giúp đỡ bạn bè, tương thân, tương ái	7.0			
V. Đánh giá ý thức và kết quả tham gia công tác lớp sinh viên, công tác đoàn thể, tổ chức khác trong Trường	10.0			
1. Tham gia lớp trường, lớp phó lớp hành chính, ban chấp hành Đoàn, Hội Sinh viên các cấp (Tối đa: 10 điểm)	10.0			
- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao	8.0-10.0			

Nội dung đánh giá	Thang điểm	Điểm sinh viên tự đánh giá	Điểm tập thể lớp đánh giá	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	5.0-7.0			
- Hoàn thành nhiệm vụ được giao	1.0-4.0			
2. Tham gia cán sự học phần, tổ trưởng lớp học phần (Tối đa: 7 điểm)	7.0			
- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao	7.0			
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	5.0			
- Hoàn thành nhiệm vụ được giao	3.0			
3. Tham gia công tác đối với các sinh viên không thuộc các đối tượng trong mục 1; 2 (Tối đa: 6 điểm)	6.0			
- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao	6.0			
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	4.0			
- Hoàn thành nhiệm vụ được giao	2.0			
VI. Thường (phạt) vào tổng số điểm rèn luyện				
1. Cộng thường điểm đối với sinh viên phấn đấu và có thành tích đặc biệt				
a) Công tác Đoàn Thanh niên và phấn đấu vươn lên Đảng:				
- Đạt danh hiệu Đoàn viên xuất sắc	5.0			
- Đoàn viên xuất sắc và được công nhận đối tượng kết nạp Đảng trong học kỳ	7.0			
- Được kết nạp Đảng trong học kỳ	10.0			
- Có thành tích đặc biệt khác được khen thưởng từ cấp Trường trở lên	10.0			
b) Có xếp loại học tập tiến bộ hơn học kỳ trước	5.0			
c) Tham gia tích cực các hoạt động chung của Trường (thanh niên tình nguyện, phát thanh...)	5.0			
(Điểm thường tối đa đối với sinh viên có thành tích đặc biệt trong học kỳ rèn luyện là 10 điểm)				
2. Trừ điểm đối với sinh viên vi phạm quy chế và bị kỷ luật				
a) Vi phạm nội quy, quy chế				
- Sinh viên nhờ người đi học hộ hoặc nhờ người đi thi hộ		Xử lý theo quy chế Công tác sinh viên tại QĐ số 113/QĐ-ĐHTCNH ngày 12/7/2021 và Điều 11 chương III của Quy định này.		
- Sinh viên vi phạm quy chế thi học phần				
b) Không tham gia sinh hoạt lớp, Đoàn hàng tháng (1 lần trừ 2.0 điểm) (tính số lần trong học kỳ)	2.0			
c) Không chấp hành quy định kiểm tra thử	3.0			

Nội dung đánh giá	Thang điểm	Điểm sinh viên tự đánh giá	Điểm tập thể lớp đánh giá	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
phản ứng, sử dụng ma túy, khám sức khỏe...				
Tổng cộng	100			

* Ghi chú: Điểm rèn luyện nếu vượt quá 100 thì làm tròn bằng 100

- Điểm kết luận của Hội đồng đánh giá cấp viện, khoa chuyên ngành: điểm

(Bằng chữ:.....)

- Điểm rèn luyện học kỳ:..... Xếp loại:.....

Ngày ... tháng ... năm 20...

Sinh viên ký tên

Cố vấn học tập

Ngày ... tháng ... năm 20...

Hội đồng cấp Viện, khoa chuyên ngành

Handwritten signature

